

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 223/2021/DS-PT  
Ngày 28-12-2021  
V/v tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Mai Dung

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Quốc Vũ

Bà Dương Thúy Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/TLPT-DS về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2021/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 214/2020/QĐPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Tổ 13, ấp TP, xã TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

*Bị đơn:* Anh Trần Văn D, sinh năm 1980; chị Mạnh Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp Tân Lâm, xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, cùng có mặt.

Người kháng cáo: Bà Lê Thị T, là nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:*

Ngày 18-4-2014, bà cho anh Trần Văn D và chị Mạnh Thị N vay 280.000.000 đồng. Mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng. Khi vay không cầm

cổ thế chấp tài sản gì và có làm giấy vay tiền. Anh D, chị N có ký tên và lăn tay xác nhận. Về phần tiền lãi thì khoảng năm 2014, anh D, chị N có đóng được 12.500.000 đồng. Từ đó đến nay không đóng được khoản tiền lãi nào khác và chưa trả tiền gốc 280.000.000 đồng cho bà. Nay bà khởi kiện buộc vợ chồng anh D, chị N liên đới trả 280.000.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu tính lãi. Ngoài số nợ này, anh D, chị N không còn nợ bà khoản tiền nào khác.

Chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện là bản gốc “Giấy mượn nợ đáo hạn ngân hàng” số tiền 280.000.000 đồng có chữ ký và lăn tay của anh D, chị N.

*Bị đơn – chị Mạnh Thị N, anh Trần Văn D trình bày:*

Anh, chị thừa nhận năm 2014 vợ chồng chị có vay 280.000.000 đồng như bà Lê Thị T trình bày là đúng. Khi vay không cầm cổ thế chấp tài sản gì, có làm giấy vay tiền và anh, chị có ký tên và lăn tay xác nhận. Khoảng 4 ngày sau thì anh, chị có trả cho bà T 280.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi cụ thể bao nhiêu do đã lâu nên anh, chị không nhớ con số chính xác. Do anh, chị đã trả xong nên nay bà T khởi kiện yêu cầu trả 280.000.000 đồng tiền gốc thì anh, chị không đồng ý. Khi trả tiền, do tin tưởng nên anh, chị không yêu cầu bà T viết biên nhận vì bà T hứa sẽ hủy bỏ giấy nợ này.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

Căn cứ vào Điều 256 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với chị Mạnh Thị N, anh Trần Văn D về tranh chấp đòi lại tài sản, số tiền là 280.000.000 (hai trăm tám mươi triệu) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, bà Lê Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố

tụng.

- Về nội dung:

Theo giấy nợ ngày 18/4/2014, chị N, anh D có vay của bà T số tiền 280.000.000 đồng, với mục đích mượn đáo hạn ngân hàng, thời hạn trả là 05 ngày, đến ngày trả luôn tiền lãi và tiền gốc, chị N, anh D thừa nhận có vay khoản tiền này. Qua sổ phụ tài khoản của anh D do ngân hàng cung cấp, ngày 18/4/2014 anh D có trả cho ngân hàng 250.000.000 đồng; ngày 26/4/2014 ngân hàng giải ngân cho anh D vay tiếp 250.000.000 đồng. Sau khi được ngân hàng cho vay lại chị N, anh D đã trả số tiền này cho bà T, do tin tưởng nên không lấy lại giấy nợ.

Bà T cho chị N, anh D vay từ 2014 đến 2020 mới khởi kiện và trình bày là do lo làm ăn nên không nhớ giấy nợ để ở đâu, khi tìm được mới khởi kiện yêu cầu trả. Mặc khác, khi chị N, anh D vay 280.000.000 đồng, có lãi suất, với thời hạn 05 ngày trả, đã hơn 06 năm nếu chị N, anh D không trả nợ mà bà T không nhớ khoản nợ này để yêu cầu trả là không hợp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Tân Châu xét xử vụ án vào ngày 15-7-2021. Bà Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 23-8-2021, bà T mới nhận được Bản án. Ngày 23-8-2021, bà T kháng cáo nên kháng cáo của bà T là hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21-01-2021 (BL 24) anh D, chị N thống nhất trình bày: Năm 2014, anh D, chị N có vay của bà Lê Thị T 280.000.000 đồng, mục đích vay tiền để đáo hạn ngân hàng, không cầm cố thế chấp tài sản, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Anh D, chị N có trả tiền gốc 280.000.000 đồng cho bà T, về tiền lãi, anh D, chị N không nhớ rõ đã trả cụ thể bao nhiêu. Khi trả 280.000.000 đồng tiền gốc, anh D, chị N không lấy lại giấy nợ vì bà T bỏ quên giấy nợ ở nhà.

[2.2] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào “Sổ phụ tài khoản” do Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín cung cấp đối với khách hàng Trần

Văn D từ ngày 01-01-2014 đến ngày 31-12-2014, thể hiện: Ngày 18-4-2014, tức là ngày anh D mượn 280.000.000 đồng của bà T, anh D có trả cho Ngân hàng 250.000.000 đồng tiền gốc và các khoản lãi tổng cộng khoảng 280.000.000 đồng. Ngày 26-4-2014, anh D có làm thủ tục vay lại của Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín và được giải ngân số tiền 250.000.000 đồng để xác định mục đích vay tiền của anh D, chị N để đáo hạn ngân hàng là phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Tài giấy mượn nợ đáo hạn ngân hàng ngày 18-4-2014, có nội dung thỏa thuận “*Sau khi đến ngày trả nợ trả luôn tiền lãi và tiền gốc*” và nhận định bà T xác nhận trong năm 2014 bà đã nhận tổng cộng tiền lãi là 12.500.000 đồng để cho rằng bà T đã nhận tiền lãi thì đã nhận tiền gốc theo thỏa thuận ghi trong giấy mượn nợ là không có cơ sở. Bởi vì: Trong giấy mượn nợ đáo hạn ngân hàng, bà T có ghi: “Gửi tiền lời: 2.500.000 + 5.000.000 + 5.000.000” thể hiện anh D, chị N có trả tiền lãi cho bà T nhiều lần, phù hợp với lời trình bày của bà T trong đơn khởi kiện là: Anh D, chị N có hẹn 05 ngày sẽ trả nợ cho bà T, nhưng sau 5 ngày, anh D, chị N chưa vay được nên có thỏa thuận với bà T trả chậm lại và tính tiền lãi theo tháng, việc gửi tiền lời nhiều lần thể hiện anh D, chị N chưa trả được tiền gốc nên anh D, chị N mới trả tiền lãi cho bà T nhiều lần.

[2.3] Mặc khác, tại tòa, anh D, chị N trình bày khoảng 4 ngày sau khi vay thì trả tiền cho bà T, nhưng theo “Sổ phụ tài khoản” do Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín cung cấp thì 8 ngày sau khi anh D, chị N đáo hạn thì Ngân hàng mới cho anh D, chị N vay lại nên phù hợp với lời trình bày của bà T là đến hạn (5 ngày) anh D, chị N chưa vay được tiền mới thương lượng lại thời hạn trả tiền cho bà T nên lời trình bày của bà T là có căn cứ.

[2.4] Đơn khởi kiện, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà T trình bày: Do giấy nợ bị thất lạc không tìm được (cất trong hợp đồng bảo hiểm của con bà) nên bà T không khởi kiện, không phải bà T quên anh D, chị N còn thiếu tiền mà không khởi kiện, nay tìm thấy nên bà mới khởi kiện. Anh D, chị N cũng thừa nhận chữ viết, ký và dấu lấn tay trong giấy mượn nợ là của anh D, chị N (BL 24). Bà T cho anh D, chị N vay năm 2014, năm 2020, bà T mới khởi kiện, ngoài số tiền lãi đã nhận là 12.500.000 đồng, bà T chỉ yêu cầu anh D, chị N trả tiền gốc là 280.000.000 đồng là phù hợp theo quy định. Theo sổ do ngân hàng cung cấp ngày 26-4-2020, anh D được giải ngân 250.000.000 đồng là đúng nhưng anh D, chị N có trả tiền cho bà T hay không thì không thể hiện. Anh D, chị N thừa nhận có vay của bà T số tiền 280.000.000 đồng và đã trả cho bà T nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả số tiền 280.000.000 đồng nên buộc anh D, chị N trả cho bà T số tiền 280.000.000 đồng là có căn cứ nên sửa Bản án số 46/2021/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ (như phân tích trên) nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
- Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị T.  
- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2021/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. Căn cứ Điều 256 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với chị Mạnh Thị N, anh Trần Văn D về tranh chấp đòi lại tài sản.

2.2. Buộc chị Mạnh Thị N, anh Trần Văn D trả cho bà Lê Thị T số tiền là 280.000.000 (hai trăm tám mươi triệu) đồng.

2.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Mạnh Thị N, anh Trần Văn D chịu 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng.

Bà Lê Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.000.000 đồng (bảy triệu) đồng tại biên lai thu số 0001453 ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu số Biên lai thu số 0002207 ngày 01-9-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS. HTC
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Phan Thị Mai Dung**